TAND QUẬN CẦU GIẤY **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 539/2018/QĐST-HNGĐ	*Cầu Giấy, ngày 11 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY

Căn cứ các Điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 539/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985.

CMND số: 111735xxx, Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 07/02/2009.

- Anh Trần Duy A, sinh năm 1983.

Hộ chiếu số: B4390xxx, Cục Quản lý Xuất Nhập cảnh cấp ngày 09/8/2010.

Cùng ĐKHK và trú tại: 45 phố K, phường H, quận C, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Nội dung vụ việc như sau:

Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Duy A kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30/6/2011 tại UBND phường T, quận B, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không còn tình cảm với nhau, tính cách và quan điểm sống không còn phù hợp. Nay anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, cùng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Duy A có 01 con chung là cháu Trần Ngọc N, sinh ngày 07/10/2012. Sau ly hôn, các bên thỏa thuận: anh A là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng, chị T sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, kể từ tháng 10/2018.

Về tài sản chung, nhà ở, công nợ chung: Chị T và anh A không yêu cầu giải quyết. Các đương sự tự lo chỗ ở sau khi ly hôn.

Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu cả lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Duy A kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận B, Thành phố Hà Nội thể hiện một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được. Nay cả hai bên cùng xác định tình cảm không còn thể hiện đời sống chung không thể kéo dài. Anh Trần Duy A và chị Nguyễn Thị T cùng yêu cầu thuận tình ly hôn là phù hợp với các quy định của pháp luật. Do vậy, căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh A.

[2] Về con chung: Chị T và anh A có một con chung, các bên tự thỏa thuận sau ly hôn anh A là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ tháng 10/2018.

Sự thỏa thuận về nuôi con sau ly hôn của chị T và anh A là tự nguyện, phù hợp với điều kiện cuộc sống thực tế của các bên đương sự và phù hợp với các quy định pháp luật, nên Tòa án công nhận.

[3] Về tài sản chung, nhà ở, công nợ chung: Chị T và anh A không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét. Sau ly hôn các bên tự lo chỗ ở như hiện nay.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Duy A.

- Về con chung: Sau khi ly hôn anh Trần Duy A là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ tháng 10/2018 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, nhà ở, công nợ chung: Chị T và anh A không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

Các đương sự tự lo chỗ ở sau khi ly hôn.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận C theo biên lai thu tiền số 0006351 ngày 02 tháng 10 năm 2018, nay chuyển thành lệ phí ly hôn sơ thẩm

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- UBND phường T, quận B, TP HN;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Mạnh Hải

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].